

Số:118/2020/QĐST-HNGĐ

T H, ngày 02 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN T1 TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA T1 CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN T H, THỊNH PHỐ H1 N

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban T4ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải tH1nh ngày 24 tháng 6 năm 2020.

Sau khi nghiên cứu H sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 140/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận T1 tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Chị H Thị M, sinh năm 1975**

- **Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1969**

Cùng Hộ khẩu T4ờng trú: Số 12, ngách 562/33 T1 K, phường B, quận T H, TH1nh phố H1 N; Cùng trú tại: Tổ 2, cụm 1, phường X L, quận T H, TH1nh phố H1 N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị H Thị M và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 16/3/1994 tại UBND xã V T1, huyện V1 T4, tỉnh T5 B, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Anh, chị cùng xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm và cách sống. Anh, chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận T1 tình ly hôn. Đơn yêu cầu công nhận T1 tình ly hôn của chị M, anh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị M, anh T cùng xác nhận anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Tuyết T2, sinh ngày 17/10/1994 và Nguyễn Thị Thu T3, sinh ngày 06/02/2002, cả hai con chung của anh chị đều đã đến tuổi trưởng tH1nh, có cuộc sống riêng ổn định nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị M, anh T cùng xác nhận anh chị tự thỏa T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh, chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị H Thị M tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm chị M đã nộp tại biên Li nộp tiền tạm ứng án phí số 0004023 ngày 23/6/2020 tại Chi cục Thi H1nh án dân sự quận T H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không tH1nh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả T1 đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận T1 tình ly hôn và sự thoả T1 của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H Thị M và anh Nguyễn Văn T T1 tình ly hôn.
- Về con chung: Chị M, anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Tuyết T2, sinh ngày 17/10/1994 và Nguyễn Thị Thu T3, sinh ngày 06/02/2002. Anh chị xác nhận cả hai con chung đều đã đủ tuổi tH1nh niên, có cuộc sống riêng ổn định anh, chị không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.
- Về tài sản chung: Chị M, anh T cùng xác nhận anh chị tự thoả T1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

Về công nợ chung: Chị M, anh T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị H Thị M tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền chị M đã nộp theo Biên Li thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004023 ngày 23/6/2020 của Chi cục thi H1nh án dân sự quận T H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban H1nh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận T H;
- UBND xã V T1, huyện VI T4, tỉnh T5 Bình (đăng ký kết hôn số 36, quyển 01);
- Lưu H sơ.

THẨM PHÁN

